CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH **SAO MAI GROUP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 169/2026/TBĐG-SMG

Hưng Yên, ngày 22 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Công ty đấu giá hợp danh Sao Mai Group thông báo đấu giá tài sản của Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng (Địa chỉ trụ sở: xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên) như sau:

1. Tài sản đấu giá*: "Quyền sử dụng đối với 135 suất đất cho nhân dân làm nhà ở tại dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Quang Hưng giai đoạn 3".*

2. Hình thức sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất sử dụng lâu dài.

3. Giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá, tiền hồ sơ/phí đăng ký tham gia đấu giá

TT	Tên suất đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng/suất)	Tiền đặt trước (đồng/suất)	Bước giá (đ/m^2)	Tiền hồ sơ (đ/suất)
Khu LK1							
1	LK1-01	99,80	15.525.000	1.549.395.000	300.000.000	100.000	200.000
2	LK1-02	87,10	13.500.000	1.175.850.000	300.000.000	100.000	200.000
3	LK1-04	86,50	13.500.000	1.167.750.000	300.000.000	100.000	200.000
4	LK1-06	86,00	13.500.000	1.161.000.000	300.000.000	100.000	200.000
5	LK1-08	85,50	13.500.000	1.154.250.000	300.000.000	100.000	200.000
6	LK1-10	108,30	14.850.000	1.608.255.000	300.000.000	100.000	200.000
7	LK1-11	108,20	13.500.000	1.460.700.000	300.000.000	100.000	200.000
8	LK1-12	107,80	13.500.000	1.455.300.000	300.000.000	100.000	200.000
9	LK1-14	98,30	13.500.000	1.327.050.000	300.000.000	100.000	200.000
10	LK1-17	97,50	13.500.000	1.316.250.000	300.000.000	100.000	200.000
11	LK1-19	97,10	15.525.000	1.507.477.500	300.000.000	100.000	200.000
Khu LK2							
12	LK2-01	134,10	15.525.000	2.081.902.500	300.000.000	100.000	200.000
13	LK2-02	125,30	13.500.000	1.691.550.000	300.000.000	100.000	200.000
14	LK2-03	121,90	13.500.000	1.645.650.000	300.000.000	100.000	200.000
15	LK2-04	121,90	13.500.000	1.645.650.000	300.000.000	100.000	200.000
16	LK2-05	115,90	13.500.000	1.564.650.000	300.000.000	100.000	200.000
17	LK2-06	110,00	13.500.000	1.485.000.000	300.000.000	100.000	200.000
18	LK2-07	110,00	13.500.000	1.485.000.000	300.000.000	100.000	200.000
19	LK2-11	145,40	15.525.000	2.257.335.000	300.000.000	100.000	200.000
Khu LK3							
20	LK3-01	115,70	15.525.000	1.796.242.500	300.000.000	100.000	200.000
21	LK3-02	106,30	11.500.000	1.222.450.000	300.000.000	100.000	200.000
22	LK3-06	99,70	15.525.000	1.547.842.500	300.000.000	100.000	200.000
23	LK3-07	140,00	13.500.000	1.890.000.000	300.000.000	100.000	200.000
24	LK3-08	140,00	13.500.000	1.890.000.000	300.000.000	100.000	200.000
25	LK3-09	140,00	13.500.000	1.890.000.000	300.000.000	100.000	200.000
26	LK3-10	140,00	13.500.000	1.890.000.000	300.000.000	100.000	200.000

TT	Tên suất đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng/suất)	Tiền đặt trước (đồng/suất)	Bước giá (đ/m^2)	Tiền hồ sơ (đ/suất)
27	LK3-11	140,00	13.500.000	1.890.000.000	300.000.000	100.000	200.000
28	LK3-12	140,00	13.500.000	1.890.000.000	300.000.000	100.000	200.000
29	LK3-13	140,00	13.500.000	1.890.000.000	300.000.000	100.000	200.000
30	LK3-14	140,00	13.500.000	1.890.000.000	300.000.000	100.000	200.000
Khu LK4							
31	LK4-04	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
32	LK4-05	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
33	LK4-06	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
34	LK4-07	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
35	LK4-11	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
36	LK4-12	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
37	LK4-13	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
38	LK4-14	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
39	LK4-15	133,50	15.525.000	2.072.587.500	300.000.000	100.000	200.000
40	LK4-16	131,90	13.500.000	1.780.650.000	300.000.000	100.000	200.000
41	LK4-17	128,30	13.500.000	1.732.050.000	300.000.000	100.000	200.000
42	LK4-18	124,70	13.500.000	1.683.450.000	300.000.000	100.000	200.000
Khu LK5							
43	LK5-01	121,50	15.525.000	1.886.287.500	300.000.000	100.000	200.000
44	LK5-02	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
45	LK5-03	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
46	LK5-04	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
47	LK5-05	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
48	LK5-06	111,10	15.525.000	1.724.827.500	300.000.000	100.000	200.000
49	LK5-07	99,50	11.500.000	1.144.250.000	300.000.000	100.000	200.000
50	LK5-08	97,80	11.500.000	1.124.700.000	300.000.000	100.000	200.000
51	LK5-09	96,10	11.500.000	1.105.150.000	300.000.000	100.000	200.000
52	LK5-10	94,30	11.500.000	1.084.450.000	300.000.000	100.000	200.000
53	LK5-11	92,60	11.500.000	1.064.900.000	300.000.000	100.000	200.000
54	LK5-12	90,90	11.500.000	1.045.350.000	300.000.000	100.000	200.000
55	LK5-13	89,10	11.500.000	1.024.650.000	300.000.000	100.000	200.000
56	LK5-14	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
57	LK5-15	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
58	LK5-16	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
59	LK5-17	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
60	LK5-18	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
61	LK5-20	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
62	LK5-21	112,50	15.525.000	1.746.562.500	300.000.000	100.000	200.000
63	LK5-22	121,20	13.500.000	1.636.200.000	300.000.000	100.000	200.000
64	LK5-23	121,20	13.500.000	1.636.200.000	300.000.000	100.000	200.000
65	LK5-24	121,20	13.500.000	1.636.200.000	300.000.000	100.000	200.000
66	LK5-25	119,20	15.525.000	1.850.580.000	300.000.000	100.000	200.000
Khu LK6							
67	LK6-01	111,10	15.525.000	1.724.827.500	300.000.000	100.000	200.000
68	LK6-02	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
69	LK6-03	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
70	LK6-04	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000

TT	Tên suất đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng/suất)	Tiền đặt trước (đồng/suất)	Bước giá (đ/m^2)	Tiền hồ sơ (đ/suất)
71	LK6-05	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
72	LK6-06	111,10	15.525.000	1.724.827.500	300.000.000	100.000	200.000
73	LK6-07	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
74	LK6-08	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
75	LK6-09	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
76	LK6-10	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
77	LK6-11	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
78	LK6-12	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
79	LK6-13	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
80	LK6-14	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
81	LK6-15	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
82	LK6-16	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
83	LK6-17	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
84	LK6-18	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
85	LK6-19	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
86	LK6-20	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
87	LK6-21	111,10	15.525.000	1.724.827.500	300.000.000	100.000	200.000
88	LK6-22	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
89	LK6-23	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
90	LK6-24	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
91	LK6-25	105,00	13.500.000	1.417.500.000	300.000.000	100.000	200.000
92	LK6-26	111,10	15.525.000	1.724.827.500	300.000.000	100.000	200.000
Khu LK7							
93	LK7-01	111,10	15.525.000	1.724.827.500	300.000.000	100.000	200.000
94	LK7-04	96,90	13.500.000	1.308.150.000	300.000.000	100.000	200.000
95	LK7-05	125,00	13.500.000	1.687.500.000	300.000.000	100.000	200.000
96	LK7-06	125,00	13.500.000	1.687.500.000	300.000.000	100.000	200.000
97	LK7-07	125,00	13.500.000	1.687.500.000	300.000.000	100.000	200.000
98	LK7-08	125,00	13.500.000	1.687.500.000	300.000.000	100.000	200.000
99	LK7-09	125,00	13.500.000	1.687.500.000	300.000.000	100.000	200.000
100	LK7-10	125,00	13.500.000	1.687.500.000	300.000.000	100.000	200.000
101	LK7-11	125,00	13.500.000	1.687.500.000	300.000.000	100.000	200.000
102	LK7-12	111,10	15.525.000	1.724.827.500	300.000.000	100.000	200.000
103	LK7-14	96,90	13.500.000	1.308.150.000	300.000.000	100.000	200.000
104	LK7-15	96,90	13.500.000	1.308.150.000	300.000.000	100.000	200.000
105	LK7-16	170,40	15.525.000	2.645.460.000	300.000.000	100.000	200.000
106	LK7-17	136,70	13.500.000	1.845.450.000	300.000.000	100.000	200.000
107	LK7-18	133,70	13.500.000	1.804.950.000	300.000.000	100.000	200.000
108	LK7-19	130,80	13.500.000	1.765.800.000	300.000.000	100.000	200.000
109	LK7-20	127,80	13.500.000	1.725.300.000	300.000.000	100.000	200.000
110	LK7-21	124,80	13.500.000	1.684.800.000	300.000.000	100.000	200.000
111	LK7-22	121,90	13.500.000	1.645.650.000	300.000.000	100.000	200.000
112	LK7-23	118,90	13.500.000	1.605.150.000	300.000.000	100.000	200.000
113	LK7-24	115,90	13.500.000	1.564.650.000	300.000.000	100.000	200.000
114	LK7-25	112,90	13.500.000	1.524.150.000	300.000.000	100.000	200.000
115	LK7-26	110,00	13.500.000	1.485.000.000	300.000.000	100.000	200.000
116	LK7-28	125,70	15.525.000	1.951.492.500	300.000.000	100.000	200.000

TT	Tên suất đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng/suất)	Tiền đặt trước (đồng/suất)	Bước giá (đ/m^2)	Tiền hồ sơ (đ/suất)
Khu LK8							
117	LK8-01	93,10	15.525.000	1.445.377.500	300.000.000	100.000	200.000
118	LK8-02	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
119	LK8-03	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
120	LK8-04	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
121	LK8-05	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
122	LK8-06	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
123	LK8-07	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
124	LK8-08	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
125	LK8-09	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
126	LK8-10	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
127	LK8-11	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
128	LK8-12	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
129	LK8-13	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
130	LK8-14	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
131	LK8-16	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
132	LK8-17	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
133	LK8-18	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
134	LK8-19	100,00	13.500.000	1.350.000.000	300.000.000	100.000	200.000
135	LK8-20	113,90	15.525.000	1.768.297.500	300.000.000	100.000	200.000
	Tổng	**14823,70**		**203.713.037.500**			

Giá khởi điểm trên được xác định căn cứ theo Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng 167 suất đất cho nhân dân làm nhà ở tại dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Quang Hưng giai đoạn 3.

Tổng giá khởi điểm của tài sản: **203.713.037.500 đồng** *(Bằng chữ: Hai trăm linh ba tỷ, bảy trăm mươi ba triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)*, chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất và giao quyền sử dụng đất, mặt bằng quyền sử dụng đất cho người mua được tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật (nếu có) do người mua được tài sản đấu giá phải chịu.

4. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

Từ 08 giờ 00 phút ngày 23 tháng 10 năm 2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 04 tháng 11 năm 2026 (theo giờ hành chính các ngày làm việc) trực tiếp tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Sao Mai Group, địa chỉ: Lô LK 03-15, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, địa chỉ: xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên, hoặc được chuyển phát qua thư điện tử, thư bảo đảm về địa chỉ của Công ty.

5. Thời gian, địa điểm đăng ký xem tài sản: Ngày 26 tháng 10 năm 2026 và ngày 27 tháng 10 năm 2026 (theo giờ hành chính) tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Sao Mai Group, địa chỉ: Lô LK 03-15, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; hoặc tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, địa chỉ: xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên.

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản tại nơi tọa lạc tài sản: tại thực địa khu đấu giá từ ngày 28 tháng 10 năm 2026 đến ngày 30 tháng 10 năm 2026 (theo giờ hành chính) và xem các tài liệu liên quan (nếu có) tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Sao Mai Group, địa chỉ: Lô LK 03-15, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; hoặc tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, địa chỉ: xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên.

7. Tiền hồ sơ/phí đăng ký tham gia đấu giá: 200.000 đồng/1 hồ sơ;

8. Tiền đặt trước: Mức tiền đặt trước đối với từng thửa (suất) đất được xác định từ 10% đến 50% giá khởi điểm của thửa (suất) đất đưa ra đấu giá, cụ thể theo Bảng quy định tại Mục 3 của Thông báo này.

9. Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 08 giờ 00 phút ngày 23 tháng 10 năm 2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 04 tháng 11 năm 2026 (công ty sẽ bố trí Ngân hàng hỗ trợ thu tiền đặt trước từ ngày 03 tháng 11 năm 2026 đến 16 giờ 00 phút ngày 04 tháng 11 năm 2026 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, địa chỉ: xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên, theo hướng dẫn tại Quy chế cuộc đấu giá) .

(Lưu ý: ***Khoản tiền đặt trước phải được báo có trong tài khoản Công ty đấu giá hợp danh Sao Mai Group trước 17 giờ 00 phút ngày 04 tháng 11 năm 2026***. Khách hàng cần hoàn thiện các thủ tục đấu giá trước ngày 04 tháng 11 năm 2026 để tránh việc chuyển khoản vào những giờ cuối tiền bị treo trên hệ thống ảnh hưởng đến quyền tham gia đấu giá).

10. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức tham gia đấu giá: Các cá nhân có đủ điều kiện mua tài sản theo quy định của pháp luật ĐKTGĐG, từ 08 giờ 00 phút ngày 23 tháng 10 năm 2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 04 tháng 11 năm 2026 (theo giờ hành chính các ngày làm việc) mua và nộp hồ sơ tham gia đấu giá trực tiếp hoặc theo phương thức điện tử, nộp tiền hồ sơ/phí ĐKTGĐG tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, địa chỉ: xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên; tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Sao Mai Group, địa chỉ: Lô LK 03-15, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, hoặc được chuyển phát qua thư điện tử, thư bảo đảm về địa chỉ của Công ty, chuyển (nộp) tiền đặt trước theo đúng quy định tại Quy chế cuộc đấu giá.

11. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Điểm danh khách hàng lúc 07 giờ 30 phút, phiên đấu giá bắt đầu lúc 08 giờ 30 phút ngày 08 tháng 11 năm 2026 (Chủ Nhật) tại Hội trường tầng 3 UBND xã Quang Hưng, địa chỉ: xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên.

12. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp 01 vòng đối với từng thửa (suất) đất.

13. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

Lưu ý:

1. Khách hàng có trách nhiệm xem xét kỹ tình trạng, chất lượng của tài sản. Tài sản đấu giá bán theo hiện trạng thực tế. Tổ chức hành nghề đấu giá không chịu trách nhiệm về tình trạng, chất lượng tài sản khi đã thông báo trước.

2. Khách hàng mang theo CCCD/CC bản chính, còn giá trị sử dụng khi đến mua, nộp hồ sơ tham gia đấu giá;

3. Các khách hàng mang theo CCCD/CC còn giá trị sử dụng và đến sớm ít nhất 30 phút để làm thủ tục trước khi vào phiên đấu giá;

(Lưu ý: Khách hàng nộp hồ sơ sẽ nộp kèm CCCD điện tử bản sao trên VNeID để được cập nhật thông tin mới nhất).

4. Khách hàng đến mua, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và tham dự phiên đấu giá đeo khẩu trang để bảo vệ sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Mọi chi tiết liên hệ: Công ty đấu giá hợp danh Sao Mai Group, địa chỉ:Lô LK 03-15, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

Điện thoại: 0978582727 Email: vp.saomaigroup@gmail.com

(Thông báo này thay cho thư mời tham gia đấu giá)

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng;
- Các địa điểm niêm yết theo quy định của pháp luật;
- Lưu: VP./.

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH SAO MAI GROUP

S.Đ.K.K.D: 33.2010.01.0001 - C.T.H.D - CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH SAO MAI GROUP - X.KHOÁI CHÂU - T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH HĐTV

Nguyễn Tất Thắng